

SỞ Y TẾ THANH HOÁ
BỆNH VIỆN ĐA KHOA
HUYỆN QUẢNG XƯƠNG

Số 913 /KHTH-BVQX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Xương, ngày 13 tháng 9 năm 2024

BẢN TỰ CÔNG BỐ BỔ SUNG

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành

Kính gửi: Sở Y tế Thanh Hoá

Tên cơ sở công bố: **Bệnh viện Đa khoa huyện Quảng Xương**

Giấy phép hoạt động: Số 600/SYT-GPHĐ, ngày 06/04/2015

Địa chỉ: Tổ dân phố Trung Phong, thị trấn Tân Phong, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa

Chịu trách nhiệm chuyên môn: **Nguyễn Văn Nhiên**

Điện thoại liên hệ: 0373.863.006

Email (nếu có): **benhviendakhoaquangxuong@gmail.com**

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

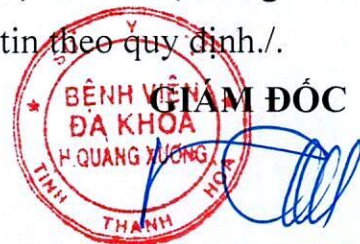
1. Đối tượng hướng dẫn thực hành: (Kèm theo phụ lục 1)
 - Bác sỹ y khoa
 - Bác sỹ Y học cổ truyền
2. Danh sách người hướng dẫn thực hành (Kèm theo phụ lục 2)
3. Các nội dung thực hành được ký hợp đồng hợp tác với cơ sở thực hành khác (không có)
4. Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành: gồm 186 người bao gồm tất cả các trình độ có (kèm theo Phụ lục 1)
5. Chi phí hướng dẫn thực hành (Có phụ lục thu kinh phí đào tạo chi tiết kèm theo)

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Kính đề nghị Sở Y tế xem xét, đăng tải thông tin theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, KH (02).



Nguyễn Văn Nhiên

BỔ SUNG THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH CHỮA BỆNH
NĂM 2024

TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC:

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/c huyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD (x 10)	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường (x 3)	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	7720101		Bác sỹ đa khoa	Lâm sàng Nội nhiễm	Thực hành lâm sàng bệnh học Nội khoa	Cấp cứu, Nội TH, Truyền nhiễm	5	50	20	60	0	60
				Lâm sàng Ngoại	Thực hành lâm sàng bệnh học Ngoại khoa	Ngoại	4	40	10	30	0	30
				Sản khoa	Thực hành lâm sàng bệnh học Sản khoa	Sản	4	40	10	30	0	30
				Lâm sàng Nhi khoa	Thực hành lâm sàng bệnh học Nhi khoa	Nhi	4	40	8	24	0	24
2	7720101		Bác sỹ Y học cổ truyền	Lâm sàng Hồi sức Cấp cứu	Thực hành lâm sàng Hồi sức cấp cứu	Hồi sức Cấp cứu	5	50	4	12	0	0

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/c huyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD (x 10)	Số giường tạ khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường (x 3)	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
				Lâm sàng Y học Cổ truyền	Thực hành lâm sàng bệnh học Y học cổ truyền	Ngoại	5	50	10	30	0	0
	Tổng						17	270	68	186	0	144



BỔ SUNG DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

(Chi tiết theo danh sách từng người giảng dạy để minh chứng cho số lượng tại cột số 8 ở Phụ lục 1)

1. ĐẠI HỌC/CAO ĐẲNG/ TRUNG CẤP Y HỌC CỔ TRUYỀN

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1.	Hoàng Văn Ngọc	Bác sĩ YHCT	YHCT	012717/TH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	> 10 năm	Y học cổ truyền LS bệnh học y học hiện đại	Thực hành LS YHCT, LS bệnh học y học hiện đại Thực hành LS Kiểm soát nhiễm khuẩn	YCHT và PHCN	25
2.	Nguyễn Thị Hương	Bác sĩ CKI YHCT	YHCT	012716/TH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	> 10 năm				
3.	Lê Kim Sơn	BSCKI YHCT	YHCT	006849/TH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng	> 10 năm				

					phương pháp YHCT, KCB VLTL- PHCN					
4.	Nguyễn Như Quỳnh	BSCKI YHCT	YHCT	007945/TH- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT, bệnh cơ xương khớp, nội tiết, đái tháo đường	> 10 năm				
5.	Lê Thị Thúy	Bác sĩ	YHCT	14881/TH- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	6 năm				

BỆ
 ĐÀ
 - QU

2. ĐẠI HỌC BÁC SỸ ĐA KHOA

ST T	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên n khoa, nội trú...	Ngành , chuyên n ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệp KC B	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giờ đạt yêu cầu thực hành
1.	Nguyễn Hoàng Anh	Bác sĩ CKI HSCC	Nội khoa	010789 /TH- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh, Gây mê hồi sức, Siêu âm ổ bụng chẩn đoán, thận lọc máu	> 10 năm	Lâm sàng Bệnh học Nội - – truyền nhiễm – HSCC Thực tập tốt nghệ	KHÁM, chẩn đoán chăm sóc người bệnh: Tiêu hoá, Hô hấp, và các bệnh nội khoa khác. Xử trí Suy hô hấp, Cấp cứu ngừng tuần hoàn, Tai biến mạch máu não, XHTH, ngộ độc, shock phản vệ, ... Thực hiện các KT: Truyền máu, dịch, ghi điện tim, đặt sonde, thở oxy, tiêm truyền, tư vấn, giáo dục sức khỏe ...	Nội khoa – Truyền nhiễm –Cấp cứu	20
2.	Phạm Thị Quỳnh	BSCKI Nội khoa	Nội khoa	012719 /TH- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, siêu âm tổng quát chẩn đoán	> 10 năm				
3.	Trịnh Văn Tương	BSCKI Nội	Nội khoa	004835 /TH- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa, siêu âm ổ bụng chẩn đoán	> 10 năm				

4.	Mai Thị Hằng	Bác sĩ ĐK	Nội khoa	018092 /TH- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	> 10 năm	Lâm sàng Bệnh học Ngoại Thực tập tốt nghệ nghiệp	Khám chẩn đoán, điều trị, xử trí, phòng bệnh ngoại khoa, chấn thương thông thường Thực hiện kỹ thuật Điều dưỡng, cấp cứu Ngoại khoa ...	Khoa ngoại	10
5.	Bùi Thị Ngọc	Bác sĩ ĐK	Nội khoa	012550 /TH- CCHN	Khám chữa bệnh đa khoa	> 10 năm				
6.	Vũ Kim Khán	BSCKI GMHS	Ngoại khoa	004799 /TH- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh và gây mê hồi sức	> 10 năm				
7.	Viên Đình Dũng	Bác sĩ CKI ngoại khoa	Ngoại khoa	14958/ TH- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	> 10 năm				
8.	Lê Anh Tuấn	Ths BSCKII ngoại	Ngoại khoa	004831 /TH- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh ngoại khoa, phẫu thuật nội soi	> 10 năm				
9.	Nguyễn Danh Hội	BSCKII ngoại	Ngoại khoa	004866 /TH- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh ngoại khoa, Răng hàm mặt, Phẫu thuật nội soi	> 10 năm	Lâm sàng Bệnh học Sân Thực tập tốt nghệ nghiệp	Khám, chẩn đoán, điều trị, xử trí, các bệnh lý sản phụ khoa, chuyển dạ, chăm sóc trước, trong và sau đẻ.... Thực hành các KT thủ thuật sản, phụ khoa, Các bệnh lây truyền qua đường TD...	Khoa Sân	10
10.	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	Bác sĩ ĐK / định hướng Sân khoa	Sân khoa	14933/ TH- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	> 10 năm				
11.	Nguyễn Thị Khánh Huyền	Bác sĩ ĐK/ định hướng	Sân khoa	016634 /TH- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	> 10 năm				

		Sản khoa								
12.	Trịnh Thăng Nguyên	Thạc sỹ Sản khoa	Sản khoa	009788 /TH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa, sản phụ khoa	> 10 năm				
13.	Phạm Thị Trang	Bác sĩ ĐK	Sản khoa	019079 /TH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa, sản phụ khoa	> 10 năm				
14.	Lê Đình Quang	BSCKI Nhi	Nội nhi	008295 /TH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội-Nhi	> 10 năm	Lâm sàng Bệnh học Nhi Thực tập tốt nghiệp	Khám, chẩn đoán, điều trị, xử trí, phòng bệnh trẻ mắc các bệnh: Tiêu hoá, Hô hấpvà các bệnh nội nhi khác CSBN: Suy hô hấp, Cấp cứu ngừng tuần hoàn, XHTH, ngộ độc, shock phản vệ, ... Thực hiện các KT Đ D: Truyền máu, dịch, ghi điện tim, đặt sonde, thở oxy, tiêm truyền, tư vấn, giáo dục sức khỏe	Khoa Nhi	8
15.	Nguyễn Thị Hà	Bác sĩ ĐK	Nội nhi	020217 /TH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	> 10 năm				
16.	Nguyễn Thế Phong	BSCKI nội	Nội nhi	013066 /TH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa Nhi	> 10 năm				
17.	Lê Thị Kim Anh	Bác sĩ ĐK	Nội nhi	017893 /TH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	> 10 năm				

**DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ
TẠI KHOA NỘI ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
(Đại học/Cao đẳng/Trung cấp điều dưỡng/ lâm sàng Nội khoa)**

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1.	Phòng giao ban tại khoa phòng	Phòng	1	
2.	Phòng trực	Phòng	1	
3.	Phòng khách dành cho Giáo viên	Phòng	0	
4.	Các phòng chức năng của khoa (Phòng TK, phòng tiêm, thủ thuật, hành chính,...)		2	
5.	Màn chiếu	Cái	0	
6.	Máy chiếu	Cái	0	
7.	Máy tính	Cái	6	
8.	Ổng nghe	Cái	4	
9.	Đèn đọc phim	Cái	1	
10.	Bàn ghế ngồi	Bộ	6	
11.	Ghế đơn	Cái	30	
12.	Bóng Ambu	Cái	1	
13.	Bình Oxy các loại	Cái	1	
14.	Máy Monitor	Cái	1	
15.	Máy ghi điện tim	Cái	1	
16.	Máy hút đờm dãi	Cái	1	
17.	Giường bệnh	Cái	75	
18.	Bộ huyết áp, ống nghe	Cái	4	
19.	Máy thở	Cái	0	
20.	Cáng, xe đẩy bệnh nhân	Cái	2	
21.	Xe tiêm, Dụng cụ dụng cụ, thuốc	Cái	4	
22.	Hộp đựng dụng cụ vô khuẩn các cỡ	Cái	7	
23.	Bơm tiêm điện	Cái	0	
24.	Nhiệt kế các loại	Cái	4	
25.	Hộp chống shock	Cái	4	
26.	Cân	Cái	1	
27.	Hộp đựng dụng cụ vô khuẩn	Cái	2	
28.	Tủ sấy	Cái	0	
29.	Tủ đầu giường bệnh nhân	Cái	70	
30.	Ghế nhà ga	Cái	6	



DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ
TẠI KHOA SẢN ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
(Đại học/Cao đẳng/Trung cấp điều dưỡng/ lâm sàng Sản khoa)

Stt	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1.	Phòng giao ban tại khoa phòng	Phòng	01	
2.	Phòng trực	Phòng	01	
3.	Các phòng chức năng của khoa (Phòng TK, phòng tiêm, thủ thuật, hành chính,...)		01	
4.	Bàn ghế ngồi	Bộ	03	
5.	Ghế đơn	Cái	25	
6.	Máy tính	Cái	07	
7.	Ổng nghe	Cái	02	
8.	Đèn đọc phim	Cái	00	
9.	Phần mềm quản lý bệnh viện / khoa	Cái	07	
10.	Bóng Ambu	Cái	03	
11.	Bình Oxy các loại	Cái	03	
12.	Máy hút đờm rãi	Cái	00	
13.	Giường bệnh	Cái	71	
14.	Bộ huyết áp, ống nghe	Cái	03	
15.	Cáng, xe đẩy bệnh nhân	Cái	04	
16.	Xe tiêm	Cái	03	
17.	Hộp đựng dụng cụ vô khuẩn các cỡ	Cái	25	
18.	Bơm tiêm điện	Cái	04	
19.	Nhiệt kế các loại	Cái	03	
20.	Hộp chống shock	Cái	03	
21.	Dụng cụ khám thai	Bộ	04	
22.	Cân	Cái	03	
23.	Thước đo chiều cao	Cái	02	
24.	Nồi luộc dụng cụ	Cái	00	
25.	Tủ sấy	Cái	03	
26.	Nồi hấp	Cái	10	
27.	Kẹp, panh, kéo, kim, van các loại	Bộ	15	
28.	Bộ tiêu phẫu (làm rốn)	Bộ		
29.	Bàn mổ - Dụng cụ mổ các loại	Cái	00	
30.	Tủ đầu giường bệnh nhân	Cái	71	
31.	Bàn khám phụ khoa	Cái	01	
32.	Bàn đẻ	Cái	06	
33.	Bàn làm thủ thuật	Cái	01	
34.	Đèn gù	Cái	04	



DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ
TÀI KHOẢN NGOẠI ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
(Đại học/Cao đẳng/Trung cấp điều dưỡng/ lâm sàng Ngoại khoa)

Stt	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1.	Phòng giao ban tại khoa phòng	Phòng	1	
2.	Phòng trực	Phòng	2	01 phòng trực bs, 01 phòng nhân viên
3.	Phòng khách dành cho Giáo viên	Phòng	0	
4.	Các phòng chức năng của khoa (Phòng TK, phòng tiêm, thủ thuật, hành chính,...)		5	01 phòng trưởng khoa, 03 phòng mổ, 01 phòng thủ thuật, 01 phòng hành chính
5.	Máy tính	Cái	8	
6.	Ổng nghe	Cái	3	
7.	Đèn đọc phim	Cái	2	
8.	Phần mềm quản lý bệnh viện / khoa	Cái	1	
9.	Bàn ghế ngồi	Bộ	1 bộ	3 bàn, 20 ghế
10.	Ghế đơn	Cái	20	
11.	Bóng Ambu	Cái	5	
12.	Bình Oxy các loại	Cái		Hệ thống Oxy trung tâm, 01 máy tạo oxy
13.	Máy hút đờm rãi	Cái	3	
14.	Giường bệnh	Cái	65	
15.	Bộ huyết áp, ống nghe	Cái	3	
16.	Cáng, xe đẩy bệnh nhân	Cái	5	2 cáng, 3 xe đẩy
17.	Xe tiêm, Dụng cụ, thuốc	Cái	2	
18.	Hộp đựng dụng cụ vô khuẩn các cỡ	Cái	20	
19.	Bơm tiêm điện	Cái	3	
20.	Nhiệt kế	Cái	2	
21.	Hộp chống shock	Cái	3	
22.	Cân	Cái	1	
23.	Tủ sấy	Cái	1	
24.	Nồi hấp	Cái	0	
25.	Các loại nẹp và dụng cụ cố định gãy xương	Bộ	100	100 bộ nẹp gỗ các loại
26.	Kẹp, panh, kéo, kìm, van các loại	Bộ	200	
27.	Bộ trung phẫu	Bộ		
28.	Bộ tiểu phẫu	Bộ	10	
29.	Bàn mổ	Cái	6	2 bàn PT sản khoa, 2 bàn PT ngoại, 1 bàn PT nội soi
30.	Tủ đầu giường bệnh nhân	Cái	65	
31.	Bàn làm thủ thuật	Cái	2	
32.	Đèn gù	Cái	1	



DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ
TẠI KHOA DƯỢC ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
(Đại học/ Cao đẳng/Trung cấp Dược)

Stt	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1.	Phòng giao ban tại khoa phòng	Phòng	1	
2.	Phòng trực	Phòng	1	
3.	Các phòng chức năng của khoa (Phòng TK, phòng tiêm, thủ thuật, hành chính,...)	Phòng	1	
4.	Màn chiếu	Cái	0	
5.	Máy chiếu	Cái	0	
6.	Bàn ghế ngồi	Bộ	4	
7.	Máy tính	Cái	5	
8.	Ghế đơn	Cái	5	
9.	Kho thuốc nội trú	Kho	2	
10.	Kho thuốc ngoại trú	Kho	1	
11.	Kho vật tư tiêu hao	Kho	1	
12.	Kho hóa chất	Kho	1	
13.	Phòng dược lâm sàng	Phòng	0	
14.	Tủ lạnh	Cái	4	
15.	Tủ bảo quản thuốc: bút tiểu đường, insulin...,	Cái	0	
16.	Máy đo nhiệt độ	Cái	4	
17.	Máy đo độ ẩm	Cái	4	
18.	Máy sấy	Cái	1	
19.	Tủ đựng thuốc	Cái	3	
20.	Xe vận chuyển thuốc	Cái	2	
21.	Xe phát thuốc	Cái	8	



DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ
TẠI KHOA XÉT NGHIỆM ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
(Cao đẳng Kỹ thuật Xét nghiệm Y học)

Stt	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1.	Phòng giao ban tại khoa phòng	Phòng	01	
2.	Phòng trực	Phòng	01	
3.	Các phòng chức năng của khoa	Phòng	04	
4.	Màn chiếu	Cái	0	
5.	Máy chiếu	Cái	0	
6.	Bàn ghế ngồi	Bộ	01	
7.	Máy tính	Cái	03	
8.	Bảng viết lớn	Cái	0	
9.	Ghế đơn	Cái	0	
10.	Máy phân tích huyết học	Cái	04	
11.	Máy sinh hóa tự động	Cái	02	
12.	Máy đông máu tự động	Cái	01	
13.	Máy điện giải đồ	Cái	02	
14.	Máy phân tích nước tiểu	Cái	03	
15.	Máy li tâm	Cái	02	
16.	Kính hiển vi	Cái	01	
17.	Tủ mát	Cái	02	
18.	Tủ lạnh chuyên dùng	Cái	01	
19.	Cân điện tử	Cái	0	
20.	Máy máu lắng tự động	Cái	0	
21.	Nồi hấp ướ	Cái	01	



**DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ
TẠI KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC
HÀNH**

Stt	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1.	Phòng giao ban tại khoa phòng	Phòng	1	
2.	Phòng trực	Phòng	1	
3.	Các phòng chức năng của khoa	Phòng	6	
4.	Màn chiếu	Cái	0	
5.	Máy chiếu	Cái	0	
6.	Bàn ghế ngồi	Bộ	1	
7.	Máy tính	Cái	11	
8.	Bảng viết lớn	Cái	0	
9.	Ghế đơn	Cái	12	
10.	Giường để siêu âm (giường, chiếu, gối, chăn,...)	Cái	3	
11.	Máy chụp X-Quang	Cái	3	
12.	Máy chụp cắt lớp vi tính	Cái	1	
13.	Máy siêu âm màu	Cái	4	
14.	Máy điện tim 6 cần	Cái	1	
15.	Máy điện não	Cái	1	
16.	Máy lưu huyết não	Cái	1	
17.	Đèn đọc phim	Cái	2	
18.	Hệ thống nội soi dạ dày	Bộ	2	
19.	Đầu dò siêu âm 2D, 3D, 4D	Cái	9	



**DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ
TẠI KHOA ĐÔNG Y - PHỤC HỒI CHỨC NĂNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU
GIẢNG DẠY THỰC HÀNH**

Stt	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1.	Phòng giao ban tại khoa phòng	Phòng	1	
2.	Phòng trực	Phòng	1	
3.	Các phòng chức năng của khoa	Phòng	3	
4.	Bàn ghế ngồi	Bộ	4	
5.	Bộ dụng cụ đo dấu hiệu sinh tồn	Bộ	5	
6.	Bộ dụng cụ tiêm thuốc	Bộ	4	
7.	Bộ dụng cụ châm cứu	Bộ	0	
8.	Bộ dụng cụ xoa bóp	Bộ	0	
9.	Máy sắc thuốc 24 âm	Máy	1	
10.	Máy điện châm	Cái	43	
11.	Đèn hồng ngoại	Cái	4	
12.	Máy trung tần	Cái	0	
13.	Máy xoa bóp toàn thân	Cái	0	
14.	Bộ dụng cụ giác hơi	Bộ	0	
15.	Xe đạp tập	Cái	1	
16.	Máy sóng ngắn	Cái	0	
17.	Nồi điện nấu Parafin	Cái	0	
18.	Ròng rọc tập	Cái	0	
19.	Cầu thang tập đi	Cái	0	
20.	Bàn tập đứng	Cái	0	
21.	Bộ tạ	Bộ	0	
22.	Thanh tập song song	Cái	1	
23.	Ghế tập mạnh chân tay	Cái	0	
24.	Giường châm cứu	Cái	0	
25.	Giường đa năng	Cái	0	
26.	Giường inox	Cái	60	
27.	Tủ thuốc	Cái	1	

SỞ Y TẾ THANH HÓA
BỆNH VIỆN ĐA KHOA QUẢNG XƯƠNG

Phụ lục bổ sung

Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Phòng hội trường lớn (để học theo lớp)	Phòng	1	200m ²
2	Phòng hội thảo nhỏ (học theo nhóm)	Phòng	2	50 m ²
5	Phòng khách dành cho Giáo viên	Phòng	2	20 m ²
6	Các phòng chức năng của khoa (Phòng TK, phòng tiêm, thủ thuật, hành chính, phòng bó bột, phòng mổ, đẻ...)			Đầy đủ theo quy định của BV hạng 2
7	Bảng viết lớn (Hội trường)	Cái	1	
8	Bảng phụ	Cái	1	
9	Màn chiếu	Cái	1	
10	Máy chiếu	Cái	1	
11	Máy tính	Cái	1	
12	Phần mềm quản lý bệnh viện/khoa	Phần mềm	1	
13	Bàn ghế ngồi	Bộ	100	
14	Ghế đơn	Cái	15	

BẢNG DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN THU PHÍ ĐÀO TẠO

ĐVT: đồng

Tt	Mục chi	Số lượng/ ngày	Đơn giá	Chi phí tính trên ngày	Chi phí tính trên tháng (22 ngày)	Ghi chú
I	Chi phí đào tạo thực hành				250.000	
1	Giảng lý thuyết	Theo tháng			250.000	Điểm a, khoản 2, Điều 5, TT36/BTC ngày 30/3/2018 (Chi thù lao giảng viên)
2	Giảng thực hành					
3	Thi lý thuyết					
4	Thi thực hành					
	Cộng					
II	Chi phí khác			120.029	404.141	
5	Vật tư văn phòng	1	857	857	18.860	
6	Găng tay khám bệnh	1	3.300	3.300	72.600	
7	Kim catheter tm	1	11.000	11.000	44.000	4 lần/ tháng
8	Kim chọc dò	1	18.750	18.750	75.000	4 lần/ tháng
9	Bơm tiêm 10ml	1	915	915	3.660	4 lần/ tháng
10	Bơm tiêm 20ml	1	1.665	1.665	6.660	4 lần/ tháng
11	Bơm tiêm 5ml	1	636	636	2.544	4 lần/ tháng
12	Sonde hút mũi	1	2.650	2.650	10.600	4 lần/ tháng
13	Ống nội khí quản	1	12.800	12.800	51.200	4 lần/ tháng
14	Làm thẻ học viên	1	15.000	15.000	15.000	Thẻ làm 1 lần
15	Tài liệu	1	50.000	50.000	50.000	50.000/1 đợt
16	Quản lý và chi khác	1	2.455	2.455	54.017	
	Tổng cộng chi phí bình quân 1 tháng				654.141	1 tháng
	Làm tròn				650.000	1 tháng
	Chi phí một đợt học 3 tháng				1.950.000	3 tháng

Ghi chú: Xây dựng thu phí đào tạo vào quy chế hoạt động chuyên môn của đơn vị
Tùy từng học viên học chuyên ngành tại các khoa khác nhau thì thu vật tư tiêu hao theo chuyên ngành đó
Vậy, mức thu chi phí đào tạo 1 tháng/1 học viên là : 650.000đ

Bằng chữ: Sáu trăm năm mươi nghìn đồng

Ngày 19 tháng 8 năm 2024

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ







Nguyễn Văn Nhiên

KẾ HOẠCH
Nội dung thực hành của cơ sở hướng dẫn thực hành

Căn cứ Nghị định số 96/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.

Căn cứ Quyết định số 1895/1997/BYT-QĐ ngày 10/9/1997 của Bộ trưởng Bộ Y tế về Quy chế bệnh viện.

Bệnh viện Đa khoa huyện Quảng Xương xây dựng kế hoạch nội dung thực hành tại đơn vị như sau:

I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

- Đảm bảo chất lượng cho các đối tượng tham gia thực hành
- Đảm bảo đầy đủ về thời gian thực hành cho người thực hành
- Đáp ứng đầy đủ về cơ sở, nhân lực chuyên môn để hướng dẫn thực hành

II. NỘI DUNG THỰC HÀNH

TT	Đối tượng tham gia thực hành	Tổng thời gian	Thời gian thực hành tại các chuyên khoa	Nội dung thực hành
1	Đối tượng Bác sỹ y khoa	12 tháng	+ 03 tháng tại khoa Hồi sức - Cấp cứu + 01 tháng tại khoa Sản + 02 tháng tại khoa Ngoại + 01 tháng tại khoa Liên chuyên khoa (Mắt-TMH-RHM) + 01 tháng tại khoa Đông y - Phục hồi chức năng	Theo quy định tại phụ lục V của TT 32/BYT

			+ 01 tháng tại khoa Nhi + 02 tháng tại khoa Nội + 01 tháng tại khoa Truyền nhiễm	
2	Bác sỹ YHCT	12 tháng	+ 03 tháng tại khoa Hồi sức - Cấp cứu + 09 tháng tại khoa Đông y - Phục hồi chức năng	Theo quy định tại phụ lục VI của TT 32/TT-BYT
3	Bác sỹ Y học dự phòng	12 tháng	+ 03 tháng tại khoa Hồi sức - Cấp cứu + 01 tháng tại khoa Sản + 02 tháng tại khoa Ngoại + 01 tháng tại khoa Liên chuyên khoa (Mắt-TMH-RHM) + 01 tháng tại khoa Đông y - Phục hồi chức năng + 01 tháng tại khoa Nhi + 02 tháng tại khoa Nội + 01 tháng tại khoa Truyền nhiễm	Theo quy định tại phụ lục VII của TT 32/TT-BYT
4	Bác sỹ Răng hàm mặt	12 tháng	+ 03 tháng tại khoa Hồi sức - Cấp cứu + 09 tháng tại khoa Liên chuyên khoa	Theo quy định tại phụ lục VIII của TT 32/TT-BYT
5	Kỹ thuật Y xét nghiệm	06 tháng	+ 01 tháng tại khoa hồi sức - Cấp cứu + 05 tháng tại khoa Cận lâm sàng	Theo quy định tại phụ lục XIV của TT 32/TT-BYT
6	Kỹ thuật Y khoa	06 tháng	+ 01 tháng tại khoa Hồi sức - Cấp cứu + 05 tháng tại khoa Cận lâm sàng	Theo quy định tại phụ lục XIV của

	hình ảnh y học			TT 32/TT-BYT
7	Y sỹ đa khoa	09 tháng	+ 03 tháng tại khoa Hồi sức - Cấp cứu + 06 tháng tại khoa Khám bệnh	Theo quy định tại phụ lục X của TT 32/TT-BYT
8	Kỹ thuật Y phục hồi chức năng	06 tháng	+ 01 tháng tại khoa Hồi sức - Cấp cứu + 05 tháng tại khoa Đông y - Phục hồi chức năng	Theo quy định tại phụ lục XIV của TT 32/TT-BYT
9	Điều dưỡng	06 tháng	+ 01 tháng tại khoa Hồi sức - Cấp cứu + 01 tháng tại khoa Nội + 01 tháng tại khoa Truyền nhiễm + 01 tháng tại khoa Nhi + 01 tháng tại khoa Sản + 01 tháng tại khoa Ngoại	Theo quy định tại phụ lục XII của TT 32/TT-BYT
10	Kỹ thuật y khúc xạ nhãn khoa	06 tháng	+ 01 tháng tại khoa Hồi sức - Cấp cứu + 05 tháng tại khoa Liên chuyên khoa (Chuyên khoa Mắt)	Theo quy định tại phụ lục XIV của TT 32/TT-BYT
11	Kỹ thuật y phục hình răng	06 tháng	+ 01 tháng tại khoa Hồi sức - Cấp cứu + 05 tháng tại khoa Liên chuyên khoa (Chuyên khoa Răng)	Theo quy định tại phụ lục XIV của TT 32/TT-BYT
12	Y sỹ YHCT	09 tháng	+ 03 tháng tại khoa Hồi sức - Cấp cứu + 06 tháng tại khoa Đông y - Phục hồi chức năng	Theo quy định tại phụ lục XI của TT 32/TT-BYT

Y
 H VI
 KH
 NG X
 ANH

13	Hộ sinh	06 tháng	+ 01 tháng tại khoa Hồi sức - Cấp cứu + 05 tháng tại khoa Sản	Theo quy định tại phụ lục XIII của TT 32/TT- BYT
----	---------	-------------	--	--

2. Trong quá trình thực hành phải lồng ghép nội dung hướng dẫn về các quy định, pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

3. Bài giảng thực hành *(Có bài giảng kèm theo)*

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tiếp nhận thực hành

a) Người thực hành phải có đơn đề nghị thực hành theo Mẫu 03 phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 về Quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh và bản sao hợp lệ một trong các văn bằng chuyên môn gửi đến cơ sở hướng dẫn thực hành nơi đăng ký thực hành.

b) Sau khi nhận được đơn đề nghị thực hành, nếu đồng ý tiếp nhận, người đứng đầu hoặc người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh là cơ sở hướng dẫn thực hành có trách nhiệm:

- Ký hợp đồng thực hành khám bệnh, chữa bệnh với người thực hành theo Mẫu 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023;

- Gửi văn bản đăng ký danh sách người thực hành khám bệnh, chữa bệnh theo Mẫu 05 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này về cơ quan tiếp nhận công bố theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023

2. Phân công người hướng dẫn thực hành

a) Việc phân công người hướng dẫn thực hành theo Mẫu 06 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023.

b) Một người hướng dẫn thực hành chỉ được hướng dẫn tối đa 05 người thực hành trong cùng một thời điểm.

3. Điều kiện đối với người hướng dẫn thực hành

a) Có giấy phép hành nghề với chức danh, phạm vi hành nghề phù hợp với nội dung, đối tượng được hướng dẫn thực hành;

b) Có trình độ đào tạo tương đương hoặc cao hơn người thực hành;

c) Có thời gian hành nghề khám bệnh, chữa bệnh liên tục từ 03 năm trở lên.

4. Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành và chịu trách nhiệm nếu để người thực hành gây sai sót chuyên môn trong quá trình thực hành, gây ảnh hưởng đến sức khỏe của người bệnh, trừ trường hợp người thực hành cố ý vi phạm.

5. Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành có trách nhiệm:

a) Cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023.

b) Đăng tải danh sách người đã hoàn thành quá trình thực hành trên trang thông tin điện tử của cơ sở hướng dẫn thực hành và trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh.

6. Đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành và xác nhận hoàn thành quá trình thực hành phải bảo đảm khách quan, trung thực.

Nơi gửi:

- Sở Y tế (Đề b/c);
- Ban Giám đốc (Đề b/c);
- Các khoa phòng (Đề t/h);
- Lưu: VT-KHTH.



Nguyễn Văn Nhiên